

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK14	7:25	14+7	0+0		14+8	0+0	
2		TD5+BK5	7:25	2+19+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
3		TD3+RP3	9:25	22+0	0+0		9+13	0+0	
4		TD3+P9+TTC1	9:25	13+8	0+0		13+9	0+0	
5		BK10+TD5	11:25	15+6	0+0		15+7	0+0	
6		P11	13:25	20	0		22	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2 - BK14	CREW: QVIỆT - TTRUNG - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3647	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	58	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
2	TRINH QUỐC KHÁNH	TD2	70-71	2	19			78	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	59	1	2			80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	60	1	2			78	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	64	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	69	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
7	QUÁCH VĂN CŨ	TD2	65	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
8	VÔ SĨ MINH TẤN	TD2	66	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TRỌNG HẢI	TD2	62	1	12			80	YTE	Vietnamese
10	LÊ HỮU HẬU	TD2						65	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	63	1	6			94	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TRƯỞNG	TD2	67	1	12			93	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	61	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ BÀ LINH	TD2	68	1	4			67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN BA PHÁT	BK14	63-64	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese
16	LƯƠNG XUÂN QUANG	BK14	72	1	17			58	XAYLAP	Vietnamese
17	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	BK14	70-71	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN DUY NGỌC	BK14	65-67	3	16			58	XAYLAP	Vietnamese
19	HỒ SỸ HÙNG	BK14	60	1	9			80	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH PHỤNG	BK14	61-62	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN TÀI	BK14	68-69	2	10			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	14	1.031	14	91	0	0	14		
2	BK14	7	490	13	102	0	0	8		
TOTAL		21	1.521	27	193	0	0	22		
WEIGHT KG			1.521		193		0			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD5 - BK5	CREW: LINH - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3622	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	30	1	7	2	15	87	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	23	1	4	2	40	77	KHOAN	Vietnamese
3	HÀ THANH TÙNG	TD5	25-26	2	18			89	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	24	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ THẾ ANH	TD5	12	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	08	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
7	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	21	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HOÀNG BẢO AN	TD5	17	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HẢI	TD5	18	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	10	1	11			83	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ THANH QUANG	TD5	28-29	2	16			75	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ ANH SƠN	TD5	13	1	13			70	DMC-MI	Vietnamese
13	PHẠM NHẬT LINH	TD5	15-16	2	11			59	DMC-MI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	27	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LUẬN	TD5	11	1	9			69	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD5	14	1	12			62	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THANH TÙNG	TD5	09	1	19			90	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ VĂN THIÊN	TD5	22	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD5	19-20	2	20			61	SLB	Vietnamese
20	DANG THANG LONG	TD5	33-34	2	18	4	44	69	XAY LAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THAI QUAN	TD5	35-36	2	16			60	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	21	1.525	27	229	8	99	19		
2	BK5	0	0	0	0	1	20	3		
TOTAL		21	1.525	27	229	9	119	22		
WEIGHT KG			1.525		229		119			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD3 - RP3	CREW: LINH - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3623	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HOANG NAM	TD3	54	1	4	2	27	76	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN THANH TUAN	TD3	74	1	12	1	18	77	B-HUGH	Vietnamese
3	LE SY HUNG	TD3	72	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
4	DUONG HOANG LONG	TD3	55-57	3	18			68	KHOAN	Vietnamese
5	NGO DUY THANH	TD3	51-53	3	11			71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HUNG	TD3	69	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH NHAN	TD3	70-71	2	9			75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DUY DUC	TD3	164	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
9	KOSHELEV PAVEL	TD3	42	1	5			88	KHOAN	Russian
10	NGO MINH PHUONG	TD3	01	1	13			89	ANTOAN	Vietnamese
11	PHAM HONG QUAN	TD3	50	1	7			76	ANTOAN	Vietnamese
12	LA THANH	TD3	03	1	6			80	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN SON HAI	TD3	58	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
14	BUI QUANG MANH	TD3	67-68	2	10			74	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGUYEN TRUNG KIEN	TD3	61-62	2	14			92	KHOAN	Vietnamese
16	LUU XUAN HANH	TD3	63-64	2	9			71	KHOAN	Vietnamese
17	DINH VAN BAC	TD3	65-66	2	12			69	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM DINH TIEN	TD3	47-48	2	18			62	B-HUGH	Vietnamese
19	TRAN VAN MINH	TD3	59	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN HOANG TIN	TD3	60	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
21	LE NGOC LUAN	TD3	02	1	12			66	KHOAN	Vietnamese
22	DOAN VAN KHUU	TD3	43	1	9			62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.640	32	213	3	45	9		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	1.640	32	213	3	45	22		
WEIGHT KG			1.640		213		45			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 20/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:TD3 - P9 - TTC1	CREW: VIỆT - TTRUNG - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3648	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD3	17	1	14	2	37	79	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẠO DUY ĐIỆP	TD3	21	1	13			80	KHOAN	Vietnamese
3	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	16	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HAI 81	TD3	22	1	8			58	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD3	19	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN SƠN	TD3	20	1	9			84	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TIEN THANH	TD3	18	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HÙNG	TD3	46-47	2	16			62	SGC	Vietnamese
9	HOANG QUỐC VĂN	TD3	11-12	2	15			58	SGC	Vietnamese
10	BUI NGỌC ĐO	TD3	13-14	2	8			71	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	15	1	11			65	DVL	Vietnamese
12	LÊ THANH CHÂU	TD3	24	1	3			71	PSV	Vietnamese
13	QUACH ĐẶC THẬN	TD3	25	1	4			48	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN HUU NHAN	TD3	23	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG CHINH	P9	09	1	5	1	16	93	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUY THUAN	P9	05-06	2	15			56	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ĐÌNH HOAN	P9	07-08	2	10			70	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM QUANG CHUNG	P9	16	1	10	1	13	53	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VĂN CƯỜNG	P9	14	1	10	1	13	73	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TUẤN	P9	04	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẶNG TÔ HIỆU	P9	27	1	7	1	16	80	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ ANH DŨNG	P9	12	1	6	1	14	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	14	967	17	136	2	37	12		
2	P9	8	565	10	73	5	72	9		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.532	27	209	7	109	22		
WEIGHT KG			1.532		209		109			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK10 - TD5	CREW: DƯƠNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3645	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN HUY	BK10	45	1	12	2	26	76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	BK10	36-37	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN QUYÊN	BK10	46-47	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HÙNG	BK10	40	1	10			52	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN TRUNG	BK10	41-42	2	21			73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM PHƯƠNG DŨNG	BK10	38	1	7	1	17	71	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM TUẤN ANH	BK10	43	1	7	1	17	49	XAYLAP	Vietnamese
8	CAO VĂN HUYỀN	BK10	31	1	19			79	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HÙNG	BK10	24	1	9			71	XAYLAP	Vietnamese
10	HA VĂN ĐỨC	BK10	25-26	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN HUYỀN	BK10	48	1	11	1	11	82	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHÚC	BK10	32-33	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀN CÔNG VIỆN	BK10	34	1	10	1	12	77	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC THẾ	BK10	27-28	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN THĂNG	BK10	29	1	9	1	15	68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	45	1	7			76	DVL	Vietnamese
17	LUƠNG NGỌC HOÀNG	TD5	44	1	8			74	DVL	Vietnamese
18	LÊ THANH TU	TD5	43	1	7	1	12	81	DVL	Vietnamese
19	PHẠM QUANG HUY	TD5	46	1	8			102	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	15	1.039	21	211	7	98	15		
2	TD5	4	333	4	30	1	12	7		
TOTAL		19	1.372	25	241	8	110	22		
WEIGHT KG			1.372		241		110			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
B.CARD: HONG-4	TO: P11	CREW: DUONG - MTHAO - DTUNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3646	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐINH NGOC HUNG	P11	77	1	7			65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HAI HUNG	P11	79-80	2	18			58	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC THEP	P11	94-95	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN HUU PHI	P11	85	1	11			61	XAYLAP	Vietnamese
5	TRUONG QUANG HOAN	P11	81-82	2	18	1	13	68	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG BAC THAI	P11	83-84	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
7	HỒ TRUNG HAI	P11	92-93	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
8	LAI XUAN ĐUOC	P11	74-75	2	12			69	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN THANH	P11	76	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI ĐINH THO	P11	70-71	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P11	66-67	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUAN	P11	68-69	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P11	78	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO VĂN HOAN	P11	88-89	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
15	NHÂM ĐÌNH THUẬN	P11	72	1	10	1	14	61	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ BA TUẤN	P11	90-91	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGO ĐỨC THUẬN	P11	98-99	2	17	1	8	64	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P11	4000	1	7			84	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VĂN THẮNG	P11	86-87	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐANG QUANG THỜI	P11	96-97	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	20	1.321	34	309	3	35	22		
TOTAL		20	1.321	34	309	3	35	22		
WEIGHT KG			1.321		309		35			

GRAND TOTAL: 1.665 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO